

THỜI KHÓA BIỂU HỌC TRỰC TUYẾN THCS CỬU LONG

6A1

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công nghệ	Hai	8g-8g35
2	Sử	Hai	14g-14g35
3	Toán	Ba	8g-8g35
4	Tiếng Anh	Ba	9g45-10g20
6	Ngữ văn	Tư	8g-8g35
7	Vật Lý	Tư	9g10-9g45
8	Sinh học	Tư	14g-14g35
9	Tin học	Năm	8g-8g35
10	Địa	Sáu	9g10-9g45
11	GDCD	Bảy	8g-8g35

6A2

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công nghệ	Hai	8g-8g35
2	Sử	Hai	14g-14g35
3	Toán	Ba	8g-8g35
4	Tiếng Anh	Ba	9g45-10g20
6	Ngữ văn	Tư	8g-8g35
7	Vật Lý	Tư	9g10-9g45
8	Sinh học	Tư	14g-14g35
9	Tin học	Năm	8g-8g35
10	Địa	Sáu	9g10-9g45
11	GDCD	Bảy	8g-8g35

6A3

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công nghệ	Hai	8g-8g35

2	Sử	Hai	14g-14g35
3	Toán	Ba	8g-8g35
4	Tiếng Anh	Ba	9g45-10g20
6	Ngữ văn	Tư	8g-8g35
7	Vật Lý	Tư	9g10-9g45
8	Sinh học	Tư	14g-14g35
9	Tin học	Năm	8g-8g35
10	Địa	Sáu	9g10-9g45
11	GDCD	Bảy	8g-8g35

6A4

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công nghệ	Hai	8g35-9g10
2	Sử	Hai	14g35-15g10
3	Toán	Ba	8g-8g35
4	Tiếng Anh	Ba	9g45-10g20
6	Ngữ văn	Tư	8g-8g35
7	Vật Lý	Tư	9g45-10g20
8	Sinh học	Tư	14g35-15g10
9	Tin học	Năm	8g35-9g10
10	Địa	Sáu	9g45-10g20
11	GDCD	Bảy	8g35-9g10

6A5

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công nghệ	Hai	8g35-9g10
2	Sử	Hai	14g35-15g10
3	Toán	Ba	8g-8g35
4	Tiếng Anh	Ba	9g45-10g20
6	Ngữ văn	Tư	8g-8g35

7	Vật Lý	Tư	9g45-10g20
8	Sinh học	Tư	14g35-15g10
9	Tin học	Năm	8g35-9g10
10	Địa	Sáu	9g45-10g20
11	GDCD	Bảy	8g35-9g10

7A1

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Sử	Hai	8g-8g35
2	Công Nghệ	Hai	14g-14g35
3	Toán	Ba	8g35-9g10
4	Tiếng Anh	Ba	9g10-9g45
6	Ngữ văn	Tư	8g35-9g10
7	Vật Lý	Tư	14g-14g35
8	Sinh học	Năm	8g35-9g10
9	Tin học	Năm	14g-14g35
10	Địa	Sáu	14g35-15g10
11	GDCD	Sáu	8g35-9g10

7A2

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Sử	Hai	8g-8g35
2	Công Nghệ	Hai	14g-14g35
3	Toán	Ba	8g35-9g10
4	Tiếng Anh	Ba	9g10-9g45
6	Ngữ văn	Tư	8g35-9g10
7	Vật Lý	Tư	14g-14g35
8	Sinh học	Năm	8g35-9g10
9	Tin học	Năm	14g-14g35

10	Địa	Sáu	14g35-15g10
11	GDCD	Sáu	8g35-9g10

7A3

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Sử	Hai	8g-8g35
2	Công Nghệ	Hai	14g35-15g10
3	Toán	Ba	8g35-9g10
4	Tiếng Anh	Ba	9g10-9g45
6	Ngữ văn	Tư	8g35-9g10
7	Vật Lý	Tư	14g35-15g10
8	Sinh học	Năm	8g35-9g10
9	Tin học	Năm	14g35-15g10
10	Địa	Sáu	14g35-15g10
11	GDCD	Sáu	8g35-9g10

7A4

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Sử	Hai	8g35-9g10
2	Công Nghệ	Hai	14g35-15g10
3	Toán	Ba	8g35-9g10
4	Tiếng Anh	Ba	9g10-9g45
6	Ngữ văn	Tư	8g35-9g10
7	Vật Lý	Tư	14g35-15g10
8	Sinh học	Năm	9g10-9g45
9	Tin học	Năm	14g35-15g10
10	Địa	Sáu	15g10-15g45
11	GDCD	Sáu	9g10-9g45

7A5

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Sử	Hai	8g35-9g10
2	Công Nghệ	Hai	14g35-15g10
3	Toán	Ba	8g35-9g10
4	Tiếng Anh	Ba	9g10-9g45
6	Ngữ văn	Tư	8g35-9g10
7	Vật Lý	Tư	14g35-15g10
8	Sinh học	Năm	9g10-9g45
9	Tin học	Năm	14g35-15g10
10	Địa	Sáu	15g10-15g45
11	GDCD	Sáu	9g10-9g45

8A1

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công nghệ	Hai	8g-8g35
2	Sử	Ba	8g-8g35
3	Toán	Ba	9g10-9g45
4	Tiếng Anh	Ba	8g35-9g10
5	Hóa	Tư	8g-8g35
6	Ngữ văn	Tư	9g10-9g45
7	Vật Lý	Tư	14g-14g35
8	Sinh học	Tư	15g10-15g45
9	Tin học	Năm	8g-8g35
10	Địa	Sáu	9g45-10g20
11	GDCD	Sáu	8g-8g35

8A2

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công nghệ	Hai	8g-8g35

2	Sử	Ba	8g-8g35
3	Toán	Ba	9g10-9g45
4	Tiếng Anh	Ba	8g35-9g10
5	Hóa	Tư	8g-8g35
6	Ngữ văn	Tư	9g10-9g45
7	Vật Lý	Tư	14g-14g35
8	Sinh học	Tư	15g10-15g45
9	Tin học	Năm	8g-8g35
10	Địa	Sáu	14g-14g35
11	GDCD	Sáu	8g-8g35

8A3

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công nghệ	Hai	8g35-9g10
2	Sử	Ba	8g-8g35
3	Toán	Ba	9g10-9g45
4	Tiếng Anh	Ba	8g35-9g10
5	Hóa	Tư	8g35-9g10
6	Ngữ văn	Tư	9g10-9g45
7	Vật Lý	Tư	14g35-15g10
8	Sinh học	Tư	15g10-15g45
9	Tin học	Năm	8g35-9g10
10	Địa	Sáu	14g-14g35
11	GDCD	Sáu	8g-8g35

9A1

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công Nghệ	Hai	14g-14g35
2	Sử	Hai	9g10-9g45
3	Toán	Ba	9g45-10g20
4	Tiếng Anh	Ba	8g-8g35

5	Hóa	Ba	14g-14g35
6	Ngữ văn	Tư	9g45-10g20
7	Vật Lý	Tư	8g-8g35
8	Sinh học	Tư	15g45-16g20
9	Tin học	Năm	14g-14g35
10	Địa	Sáu	8g-8g35
11	GDCD	Sáu	14g-14g35

9A2

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công Nghệ	Hai	14g-14g35
2	Sử	Hai	9g10-9g45
3	Toán	Ba	9g45-10g20
4	Tiếng Anh	Ba	8g-8g35
5	Hóa	Ba	14g-14g35
6	Ngữ văn	Tư	9g45-10g20
7	Vật Lý	Tư	8g-8g35
8	Sinh học	Tư	15g45-16g20
9	Tin học	Năm	14g-14g35
10	Địa	Sáu	8g-8g35
11	GDCD	Sáu	14g-14g35

9A3

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công Nghệ	Hai	14g35-15g10
2	Sử	Hai	9g45-10g20
3	Toán	Ba	9g45-10g20
4	Tiếng Anh	Ba	8g-8g35
5	Hóa	Ba	14g35-15g10
6	Ngữ văn	Tư	9g45-10g20

7	Vật Lý	Tư	8g35-9g10
8	Sinh học	Năm	8g-8g35
9	Tin học	Năm	14g35-15g10
10	Địa	Sáu	8g35-9g10
11	GDCD	Sáu	14g35-15g10

9A4

STT	MÔN	THỨ	GIỜ
1	Công Nghệ	Hai	14g35-15g10
2	Sử	Hai	9g45-10g20
3	Toán	Ba	9g45-10g20
4	Tiếng Anh	Ba	8g-8g35
5	Hóa	Ba	14g35-15g10
6	Ngữ văn	Tư	9g45-10g20
7	Vật Lý	Tư	8g35-9g10
8	Sinh học	Năm	8g-8g35
9	Tin học	Năm	14g35-15g10
10	Địa	Sáu	8g35-9g10
11	GDCD	Sáu	14g35-15g10